

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2022.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Thanh Không;

+ Ông Phạm Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:
bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Phạm Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 1, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* chị Trần Thị H, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin đề nghị không tiến hành hòa giải, nguyên đơn là anh Phạm Văn N trình bày: anh và chị Trần Thị H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2007 tại UBND phường K, thị xã T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được gần 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì cả hai khác quan điểm sống. Vì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị H đã bỏ về nhà cha mẹ để ở X. Cho đến nay thì vợ chồng đã ly thân 13 năm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức đỉnh điểm tới mức không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị H.*

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn là chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án.*

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật đúng trình tự thủ tục theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật HN&GD năm 2014, khoản 1 Điều 85, Điều 91 của Luật HN&GD năm 2000 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: cho anh N được ly hôn chị H; đương sự khai không có con chung; không ai có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét; án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKS, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh Phạm Văn N có đơn ly hôn với chị Trần Thị H; chị H có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình cụ thể là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thủ tục tố tụng: chị Trần Thị H đã được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; anh Phạm Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt; nên căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2007 tại UBND phường K, thị xã T, tỉnh B nên căn cứ Điều 9, 11 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh N nhận thấy: theo anh N xác định, vì vợ chồng bất đồng quan điểm nên chỉ sống với nhau được 01 năm đầu hôn nhân, sau đó thì ly thân và đến nay thì thời gian ly thân đã 13 năm. Mặc dù không thu thập được lời khai của chị H để xác định mâu thuẫn vợ chồng nhưng theo lời khai của chị Nguyễn Thị L (chị dâu chị H) trình bày là không biết mâu thuẫn giữa anh N và chị H, tuy nhiên hai người đã sống ly thân khoảng từ năm 2011 đến nay. Chị H đã được thông báo việc anh N có yêu cầu ly hôn nhưng không đưa ra bất cứ ý kiến gì, cũng không đến Tòa án làm việc khi được triệu tập chứng tỏ bản thân chị H cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn kéo dài hôn nhân.

Từ những lập luận và chứng cứ như trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H là có thật và đã đến mức trầm trọng khiến cuộc sống hôn nhân không còn trên thực tế trong thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài khi hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh N là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh N ly hôn chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí: Anh Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết là phù hợp với nhận định của HĐXX và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Phạm Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn N được ly hôn đối với chị Trần Thị H.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Không có nên không xem xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000884 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- CC. THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND p. K, tp. T, tỉnh B

(328/2009);

- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tường Vy